

Bài 2. Nghe và chọn chữ, từ, câu bạn nghe được

1 A. gǒu

B. kǒu

2 A. gōng

B. hōng

3 A. kǎn

B. hǎn

4 A. gǎngbù

B. gǎndòng

5 A. kàn bào

B. kàn dào

6 A. hémù

B. hēimù

7 A. gèng hěn

B. gèng lěng

8 A. Nǐ bảo le ma?

B. Nǐ hǎo le ma?

9 A. Tá hěn guǒduàn.

B. Tā hěn hǎokàn.

10 A. Hàn dì-yī gè.

B. Kàn dì-yī kè.